

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 05-5-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thuỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Hải

Ông Phạm Tuấn Tú

Ông Nông Dương Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Luyến, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-QĐ ngày 01-4-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/HSST-QĐ, ngày 11-4-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với:

- Bị cáo: Phùng Thị C, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1978 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Xuân K và bà Đào Thị H (đã chết); có chồng là Nguyễn Xuân H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-6-2024 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Quan Hữu T, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Đào Thị N, sinh năm 1940; trú tại: Ngõ 141, đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Bà Tô Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Đường H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968; trú tại: Ngõ 144, đường C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; trú tại: Đường C1, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1956; trú tại: Đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

6. Bà Lê Hải U, sinh năm 1947; trú tại: Đường X, khu T1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

7. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1965; trú tại: Tổ 8, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt;

8. Bà Đặng Thị Mai A, sinh năm 1969; trú tại: Đường T, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1985; trú tại: Đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Bà Vũ Minh H, sinh năm 1982; trú tại: Đường B, khu T2, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Bà Tô Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Ngõ 1, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Đỗ Kim S, sinh năm 1958; trú tại: Số 23, đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Bà Lương Thị N, sinh năm 1962; trú tại: Thôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1978; trú tại: Đường C1, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976; trú tại: Đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

6. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965; trú tại: Đường C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

7. Bà Lê Bích T, sinh năm 1963; trú tại: Toà nhà C, đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1976; trú tại: Khu T3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 1999, Phùng Thị C mở cửa hàng kinh doanh chăn ga, gối, đệm và may rèm tại nhà. Khoảng năm 2003-2004, Phùng Thị C mở thêm cửa hàng kinh doanh đồ gỗ nội thất giường, tủ, bàn ghế... (đồ gỗ ép) và thuê nhà bà Trần Thị H (hàng xóm, bị hại trong vụ án) để bán hàng. Khoảng năm 2006-2007, để mở rộng kinh doanh, Phùng Thị C không thuê nhà bà Trần Thị H nữa mà thuê 02 ki ốt của nhà máy V, đường C, thị trấn H để bán hàng. Do nhu cầu nhập nhiều hàng nên Phùng Thị C đã vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim H, với lãi suất 1.300 đồng/triệu/ngày để nhập hàng. Ban đầu việc kinh doanh thuận lợi, tiền thu được từ bán hàng, Phùng Thị C sử dụng để trả lãi tiền vay và một phần sử dụng để mua hàng. Trong quá trình bán hàng nhiều khách hàng nợ tiền chưa trả và khi nhập hàng chủ hàng yêu cầu phải trả tiền ngay nên Phùng Thị C tiếp tục vay tiền của nhiều người khác trên địa bàn huyện H, với lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày để nhập hàng. Ngoài ra, Phùng Thị C còn vay tiền với hình thức đóng tiền chơi bát họ, nếu người chơi nộp 1.000.000 đồng/tháng sẽ được hưởng lãi suất 200.000 đồng/tháng, người chơi nộp tiền cho Phùng Thị C đủ 12 tháng sẽ được trả cả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Mỗi lần vay tiền Phùng Thị C đều viết giấy vay hoặc ghi vào sổ tay của những người cho vay. Đến cuối năm 2013 đầu năm 2014, Phùng Thị C bắt đầu nhập ít hàng, do trên địa bàn huyện H có thêm nhiều cửa hàng bán đồ nội thất nên hàng bán chậm, mặt khác do điều kiện thời tiết đồ gỗ ép không bán được bị hư hỏng. Khoảng tháng 4-2014, Phùng Thị C không nhập hàng nữa do không bán được chỉ thanh lý những hàng còn tồn, tiền thu được Phùng Thị C sử dụng để trả tiền lãi cho những người Phùng Thị C đã vay và việc kinh doanh chăn, ga, gối, đệm bán theo mùa nên cũng ít người mua. Đến khoảng tháng 5-2014, do kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ, mất khả năng thanh toán nhưng Phùng Thị C vẫn đưa ra thông tin với các bị hại cho Phùng Thị C vay tiền để kinh doanh. Sau khi vay được tiền, Phùng Thị C đã sử dụng để trả nợ và trả lãi cho các khoản vay trước đó. Với thủ đoạn nêu trên Phùng Thị C đã chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại, với tổng số tiền là 1.215.000.000 đồng. Cụ thể Phùng Thị C đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại sau:

1. Đào Thị N, sinh năm 1940, trú tại ngõ 141, đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 07-5-2014 (09-4-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Đào Thị N đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày; do tin tưởng nên bà Đào Thị N đã cho Phùng Thị C vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 24-5-2014 (26-4-2014 âm), vay số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 23-6-2014 (26-5-2014 âm), vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền Phùng Thị C đã chiếm đoạt của bà

Đào Thị N là 75.000.000 đồng. Từ khi cho vay bà Đào Thị N chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C.

Ngoài ra, vào các ngày 24-11-2011 (29-10-2011 âm), Phùng Thị C vay của bà Đào Thị N 36.000.000 đồng; ngày 28-02-2014 (29-01-2014 âm) vay 4.000.000 đồng và ngày 30-3-2014 (30-02-2014 âm) vay 5.000.000 đồng. Tổng cộng Phùng Thị C vay của bà Đào Thị N là 45.000.000 đồng. Xác định khoản vay này là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

2. Tô Thị H, sinh năm 1967, trú tại ngõ 141, đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 23-6-2014 (26-5-2014 âm), tại nhà bà Đào Thị N (mẹ đẻ của Tô Thị H), Phùng Thị C đặt vấn đề vay tiền chị Tô Thị H để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên chị Tô Thị H đã cho Phùng Thị C vay số tiền 40.000.000 đồng. Từ khi cho vay chị Tô Thị H chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C.

3. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968, trú tại ngõ 144, đường C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 04-6-2014 (tức 07-5-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Nguyễn Thị Thu H vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên bà Nguyễn Thị Thu H đã cho Phùng Thị C vay số tiền 330.000.000 đồng. Sau đó bà Nguyễn Thị Thu H đòi lại tiền nên ngày 13-6-2014 (16-5-2014 âm) Phùng Thị C trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 130.000.000 đồng, ngày 10-7-2014 (14-6-2014 âm) trả tiếp 20.000.000 đồng tiền gốc. Hiện Phùng Thị C còn chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 180.000.000 đồng.

4. Lê Thị T, sinh năm 1967, trú tại đường C1, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 11-6-2014 (14-5-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Lê Thị T vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận trả lãi 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên bà Lê Thị T đã cho Phùng Thị C vay số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 3-2014, Phùng Thị C còn vay của bà Lê Thị T tổng số tiền là 265.200.000 đồng để kinh doanh, với lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, cụ thể: Ngày 18-7-2012 (30-5-2012 âm), Phùng Thị C vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 12-11-2012 (29-9-2012 âm) vay 50.000.000 đồng; ngày 26-3-2014 (26-02-2014 âm) vay 110.000.000 đồng và từ ngày 28-02-2014 đến ngày 18-7-2014 bà Lê Thị T đã nộp cho Phùng Thị C 5.200.000 đồng tiền chơi họ. Phùng Thị C trả lãi đầy đủ cho bà Lê Thị T đến tháng 7-2014, việc trả lãi không có sổ sách theo dõi nên không xác định được số tiền cụ thể. Xác định khoản vay này là giao dịch dân sự, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

5. Trần Thị H, sinh năm 1956, trú tại đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 13-6-2014 (16-5-2014 âm), Phùng Thị C vay tiền bà Trần Thị H để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên bà Trần Thị H đã cho Phùng Thị C vay số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó, ngày 11-7-2014 (15-6-2014 âm) Phùng Thị C vay 40.000.000 đồng; ngày 28-7-2014 (02-7-2014 âm) Phùng Thị C vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền Phùng Thị C đã vay và chiếm đoạt của bà Trần Thị H là 160.000.000 đồng. Từ khi cho vay bà Trần Thị H chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C.

6. Lê Hải U, sinh năm 1947, trú tại đường X, khu T1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 10-7-2014 (14-6-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Lê Hải U đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận trả lãi 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên bà Lê Hải U đã cho Phùng Thị C vay số tiền 60.000.000 đồng. Từ khi cho vay bà Lê Hải U chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C.

Ngoài ra, đầu năm 2013, Phùng Thị C đặt vấn đề với bà Lê Hải U đóng tiền chơi họ, mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng, nộp đủ 12 tháng Phùng Thị C sẽ trả cả lãi và gốc là 42.000.000 đồng. Sau đó bà Lê Hải U đã nộp cho Phùng Thị C được 08 lần với tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Xác định khoản tiền này là giao dịch dân sự, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

7. Bùi Thị X, sinh năm 1965, trú tại tổ 8, Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngày 11-7-2014 (15-6-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Bùi Thị X tại số 79, đường B, khu A, thị trấn H đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng Phùng Thị C có cửa hàng kinh doanh nên bà Bùi Thị X đã cho Phùng Thị C vay số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 17-7-2014 (21-6-2014 âm) Phùng Thị C vay 50.000.000 đồng, ngày 18-7-2014 (22-6-2014 âm) vay 30.000.000 đồng và ngày 26-7-2014 (30-6-2014 âm) vay 350.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Bùi Thị X đã bị Phùng Thị C chiếm đoạt là 500.000.000 đồng. Từ khi cho vay bà Bùi Thị X chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C. Sau khi vay được tiền, Phùng Thị C đã sử dụng để trả tiền lãi và gốc cho những người mà Phùng Thị C đã vay trước đó.

8. Đặng Thị Mai A, sinh năm 1969, trú tại đường T, khu A, thị trấn H, tỉnh Hữu Lũng

Ngày 17-7-2014 (21-6-2014 âm), Phùng Thị C đến nhà bà Đặng Thị Mai A đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, do tin tưởng nên bà Đặng Thị Mai A đã cho Phùng Thị C vay số tiền 40.000.000 đồng và bị Phùng Thị C chiếm đoạt số tiền này. Từ khi cho vay bà Đặng Thị Mai A chưa nhận được tiền lãi và gốc từ Phùng Thị C. Sau khi vay được tiền Phùng Thị C đã sử dụng để trả lãi và gốc cho những người mà Phùng Thị C đã vay trước đó.

Trước đó Phùng Thị C còn vay tiền của bà Đặng Thị Mai A để kinh doanh, với lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, cụ thể: Ngày 18-10-2011 (22-9-2011 âm) vay

290.000.000 đồng; ngày 16-12-2011 (22-11-2011 âm) vay 60.000.000 đồng; ngày 12-10-2012 (27-8-2012 âm) vay 150.000.000 đồng; ngày 06-4-2014 (07-3-2014 âm) vay 130.000.000 đồng. Tổng cộng Phùng Thị C đã vay của bà Đặng Thị Mai A là 630.000.000 đồng, các mã vay này Phùng Thị C đã trả lãi đầy đủ đến khoảng tháng 5-2014, khi trả lãi giữa Phùng Thị C và bà Đặng Thị Mai A không ghi sổ sách theo dõi nên không xác định được số tiền cụ thể. Xác định khoản vay này là giao dịch dân sự, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Tổng cộng Phùng Thị C đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.215.000.000 đồng của các bị hại, sau đó đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc là 150.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt tổng số tiền 1.065.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSLS-P1 ngày 23-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Thị C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phùng Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhất trí trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; yêu cầu xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có ý kiến: Bản thân có được cho bị cáo vay số tiền như bị cáo đã trình bày và xác định việc cho vay chỉ là quan hệ dân sự nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Xác định bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố mẹ được tặng thưởng Huân, huy chương kháng chiến; sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại được cho bị hại Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Phùng Thị C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phùng Thị C từ 13 đến 14 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường lại số tiền còn chiếm đoạt cho các bị hại. Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận về tội danh; bản thân bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; bị cáo đã trả được một phần tiền cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm được trở lại cộng đồng để có cơ hội làm ăn để có điều kiện trả tiền cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác vắng mặt, có người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người đã được triệu tập hợp lệ.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, có căn cứ để xác định: Từ tháng 5-2014 đến tháng 7-2014, do kinh doanh thua lỗ, số tiền phải trả lãi cho các khoản vay từ trước là rất lớn, dẫn đến mất khả năng thanh toán, Phùng Thị C vẫn đưa ra thông tin gian dối với các bị hại để bị hại cho Phùng Thị C vay tiền kinh doanh, sau khi vay được tiền Phùng Thị C đã sử dụng để trả lãi và trả nợ cho những người Phùng Thị C đã vay tiền trước đó và không có tiền để trả nợ như đã hẹn. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Phùng Thị C đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại với tổng số tiền là 1.215.000.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của bà Bùi Thị X 500.000.000 đồng, bà Trần Thị H 160.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H 330.000.000 đồng, bà Lê Hải U 60.000.000 đồng, bà Đào Thị N 75.000.000 đồng, bà Tô Thị H 40.000.000 đồng, bà Đặng Thị Mai A 40.000.000 đồng và bà Lê Thị T 10.000.000 đồng. Sau đó do bị đòi lại tiền nên Phùng Thị C đã trả bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Hiện bị cáo Phùng Thị C còn chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 1.065.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật

Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, tương đương khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm, khoản, Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phùng Thị C khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phùng Thị C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Thị C gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội; gây hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Phùng Thị C có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[6] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người già từ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bố đẻ là ông Phùng Xuân K được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ đẻ là bà Đào Thị H được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Trước khi khởi tố vụ án bị cáo đã trả được cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ thiệt hại của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo, đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại bà Bùi Thị X vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị hại bà Đào Thị N, bà Đặng Thị

Mai A và bà Lê Thị T vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai và có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và bị cáo nhất trí trả tiền cho các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên buộc bị cáo phải bồi thường đã chiếm đoạt của các bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại có mặt thỏa thuận với nhau về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại, cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị H 160.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H 180.000.000 đồng, bà Lê Hải U 60.000.000 đồng, bà Tô Thị H 40.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nên cần công nhận sự thỏa thuận này giữa bị cáo và các bị hại có mặt tại phiên tòa.

[11] Đối với các khoản vay từ năm 2011 đến tháng 4-2014 đối với: Bà Đỗ Kim S, bà Lương Thị N, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Trần Thị Kim A, bà Hoàng Thị H, bà Trần Thị B, bà Lê Bích T và nhiều người khác. Đối với các khoản tiền này khi vay Phùng Thị C không đưa ra thông tin gian dối và không có mục đích chiếm đoạt, do quá trình kinh doanh bị thua lỗ, dẫn đến mất khả năng thanh toán, xác định việc vay mượn của Phùng Thị C đối với khoản tiền vay nêu trên là giao dịch dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Sau khi bị tố giác, hàng ngày do nhiều người tìm đến đe dọa đòi tiền, vì lo sợ nguy hiểm đến tính mạng của bản thân và ảnh hưởng đến gia đình nên Phùng Thị C đã bỏ trốn khỏi địa phương sang tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc làm lao động tự do đến ngày 13-5-2024 thì bị Công an Trung Quốc bắt và ngày 18-6-2024 trả về Việt Nam. Những người đã cho Phùng Thị C vay tiền yêu cầu Phùng Thị C trả lại toàn bộ số tiền đã vay. Xác định yêu cầu này là quan hệ dân sự, nếu bên có yêu cầu thì thực hiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa; ý kiến nào phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo còn có nghĩa vụ phải bồi thường cho các bị hại nên bị cáo còn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ các điểm a, c, f khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 274, 275, 357, 468, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Thị C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phùng Thị C 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 18-6-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể:

- Bị hại bà Bùi Thị X số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.
- Bị hại bà Đặng Thị Mai A số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.
- Bị hại bà Lê Thị T số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Bị hại bà Đào Thị N số tiền là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

3.2. Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và các bị hại là bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Lê Hải U, bà Tô Thị H về việc bồi thường cụ thể như sau:

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho:

- Bị hại bà Trần Thị H số tiền là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng.
- Bị hại bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng.
- Bị hại bà Lê Hải U số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
- Bị hại bà Tô Thị H số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Phùng Thị C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 43.950.000 (bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06, PC01, PC10 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Cơ sở giam giữ;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí

